

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/DS-ST

Ngày: 29/02/2024

“Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thảo;

2. Ông Nguyễn Văn Thám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 29/02/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2023/TLST-DS ngày 22/3/2023 “Về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-DS ngày 17/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐXXST-DS ngày 05/02/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S (S1); địa chỉ: 2 N, phường V, Quận C, TP .. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lý Quốc B, Trưởng phòng G (Theo Quyết định ủy quyền số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26 tháng 12 năm 2022 và Quyết định ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PL ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Người đại diện theo pháp luật S1); địa chỉ phòng G: Số B H, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Ông B có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hồ Đức H, sinh năm 1979 và bà Trần Thụy Quỳnh N, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: đường L, Tổ G, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Ông H, bà N đều vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Hồ Thị H1, sinh năm 1972; địa chỉ: Số I N, Tổ I, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Bà H1 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của ông Lý Quốc B, có nội dung như sau: Vợ chồng ông Hồ Đức H, bà Trần Thụy Quỳnh N có ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) thông qua tại Phòng G, tổng số

tiền gốc 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 202025640301 ngày 21/9/2020; thời hạn cho vay 12 tháng; mục đích vay, mua bán nông sản; lãi suất áp dụng tại thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh theo lãi suất quy định của ngân hàng; lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn; thời hạn cấp tín dụng không vượt quá 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Sau đó, vào ngày 18/3/2022 giữa đại diện ngân hàng và ông H, bà N đã ký văn bản Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng nói trên số 202025640301- 01 ngày 18/3/2022 sửa đổi bổ sung về thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký văn bản thỏa thuận. Đến ngày 28/3/2022 S1 đã giải ngân số tiền 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng) cho ông H, bà N theo “GIẤY NHẬN NỢ” số LD 2208700378 ngày 28/3/2022; thỏa thuận trả lãi vào ngày 28 hàng tháng; trả nợ gốc vào ngày 28/9/2022; lãi suất tại thời điểm ông H, bà N nhận nợ là 7,8%/năm được áp dụng 03 tháng và sẽ thay đổi, điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng N1 về lãi suất. Ông H, bà N đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 608/2020/PGD-AK được lập và công chứng tại Phòng C1 tỉnh Gia Lai vào ngày 21/9/2020 bao gồm: Toàn bộ quyền sử dụng thửa đất 112, tờ bản đồ 15, diện tích 76,9m² đất ở và toàn bộ tài sản trên đất và căn nhà cấp III diện tích sàn 261,1m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BY 359379 do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp ngày cấp ngày 27/01/2015 (Nhà và đất nói trên là tài sản của ông Hồ Đức H được nhận tặng, cho từ bà Hồ Thị H1 theo hồ sơ số 002216.BN.HĐ1143/2016 và đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G - Chi nhánh thị xã A chỉnh lý tại trang 4 trong Giấy chứng nhận vào ngày 19/9/2016). Quá trình sử dụng vốn vay, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đến nay ngày 29/02/2024 số tiền gốc còn nợ là 2.999.956.050đ; tiền lãi: (trong hạn 351.956.770đ, quá hạn 166.361.942đ, tiền lãi phạt 2.734.758đ); tổng cộng là 3.521.009.520đ (Ba tỷ, năm trăm hai mươi một triệu, không trăm lẻ chín nghìn, năm trăm hai mươi đồng). Nguyên đơn yêu cầu ông H, bà N phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi nêu trên cho ngân hàng và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thi hành xong khoản tiền nói trên. Nếu như ông H, bà N không trả được số nợ trên thì nguyên đơn yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản thế chấp cho ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 608/2020/PGD-AK được lập và công chứng tại Phòng C1 tỉnh Gia Lai vào ngày 21/9/2020, để Ngân hàng thu hồi số nợ gốc và lãi.

* Bị đơn: Ông Hồ Đức H và bà Trần Thụy Quỳnh N, đã được Tòa án giao trực tiếp Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H, bà N vắng mặt. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như triệu tập đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông H, bà N đều vắng mặt, không có lý do chính đáng và có không trình bày ý kiến trong hồ sơ vụ án.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Hồ Thị H1 trình bày: Bà H1 là chị ruột của Hồ Đức H, toàn bộ tài sản mà vợ chồng ông H, bà N đang thế chấp tại S1 là thửa đất 112, tờ bản đồ 15, diện tích 76,9m² đất ở trên thửa đất có căn nhà cấp III diện tích sàn 261,1m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 359379 do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp ngày cấp ngày

27/01/2015. Tài sản nói trên trước đây là của bà H1, hiện tại bà H1 đang ở căn nhà đó. Vì ông H cần vốn để kinh doanh nên bà H1 đã tự nguyện ký hợp đồng tặng, cho ông H toàn bộ tài sản là thửa đất 112, tờ bản đồ 15, diện tích 76,9m² đất ở và toàn bộ tài sản trên đất là căn nhà cấp III diện tích sàn 261,1m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BY 359379 do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp ngày 27/01/2015 như trên. Sau đó, ông H, bà N đã thế chấp toàn bộ tài sản đó cho S1 để vay vốn làm ăn. Do việc kinh doanh không thuận lợi nên ông H, bà N không trả được nợ và ngân hàng khởi kiện yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là thửa đất và căn nhà nói trên. Bà H1 trình bày, bà đã ký hợp đồng tặng cho toàn bộ tài sản nói trên cho ông H tại Phòng C1 tỉnh Gia Lai đúng theo quy định và đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G - Chi nhánh thị xã A chỉnh lý tại trang 4 trong Giấy chứng nhận vào ngày 19/9/2016 nên bà không có tranh chấp gì đối với tài sản mà ông H, bà N đã thế chấp cho S1 nêu trên. Bà H1 đề nghị được ưu tiên mua lại căn nhà nói trên để ở, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông H, bà N phải trả cho S1 số tiền gốc là 2.999.956.050đ; tiền lãi: (trong hạn 351.956.770đ, quá hạn 166.361.942đ, tiền lãi phạt 2.734.758đ); tổng cộng gốc và lãi là 3.521.009.520đ và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 01/3/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Về xử lý tài sản thế chấp: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nếu như ông H bà N không trả được nợ thì nguyên đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 608/2020/PGD-AK được lập và công chứng tại Phòng C1 tỉnh Gia Lai vào ngày 21/9/2020 theo quy định. Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 102.420.190đ; về chi phí Tố tụng bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.700.000đ, nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn phải thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền 3.700.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP S, khởi kiện ông Hồ Đức H và bà Trần Thụy Quỳnh N có địa chỉ ghi trong hợp đồng tín dụng là Tổ 07, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai, yêu cầu phải trả số tiền gốc và lãi còn nợ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án nói trên Tòa án đã tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cho ông Hồ Đức H nhưng bị

đơn không đến Toà án để làm việc theo thời gian trong Thông báo. Toà án đã tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng của Toà án cho bị đơn ông H, bà N theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời triệu tập hợp lệ bị đơn đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu khởi kiện: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng với việc cung cấp tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng tín dụng số 202025640301 ngày 21/9/2020 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 202025640301-01 ngày 18/3/2022 kèm theo Giấy nhận nợ số LD 2208700378 ngày 28/3/2022 cùng với Hợp đồng thế chấp tài sản số 608/2020/PGD-AK được lập và công chứng tại Phòng C1 tỉnh Gia Lai vào ngày 21/9/2020 thì có cơ sở xác định: Ông Hồ Đức H, bà Trần Thụy Quỳnh N có thế chấp tài sản là quyền sử dụng thửa đất 112, tờ bản đồ 15, diện tích 76,9m² đất ở và tài sản trên đất là căn nhà cấp III diện tích sàn 261,1m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 359379 do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp ngày 27/01/2015 (Nhà và thửa đất nói trên là tài sản của ông Hồ Đức H được nhận tặng, cho từ bà Hồ Thị H1 theo hồ sơ số 002216.BN.HĐ1143/2016 và đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G - Chi nhánh thị xã A chỉnh lý tại trang 4 trong Giấy chứng nhận vào ngày 19/9/2016) để vay số tiền 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng) tại S1 theo “GIẤY NHẬN NỢ” số LD 2208700378 ngày 28/3/2022. Hiện tại, ông H, bà N còn nợ số tiền gốc là 2.999.956.050đ; tiền lãi: (trong hạn 351.956.770đ, quá hạn 166.361.942đ, tiền lãi phạt 2.734.758đ); tổng cộng gốc và lãi là 3.521.009.520đ (Ba tỷ, năm trăm hai mươi một triệu, không trăm lẻ chín nghìn, năm trăm hai mươi đồng), đến nay chưa trả cho ngân hàng.

[4] Xét Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 202025640301 ngày 21/9/2020 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 202025640301-01 ngày 18/3/2022 đã được các bên giao kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện; nội dung và mục đích hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; việc xác lập hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng, ngân hàng theo quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng. Do vậy, Hợp đồng tín dụng nói trên là hợp pháp và phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông H, bà N đã vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và lãi theo cam kết trong hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H, bà N thanh toán tiền gốc và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng nói trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất 112, tờ bản đồ 15, diện tích 76,9m² đất ở và toàn bộ tài sản trên đất là căn nhà cấp III diện tích sàn 261,1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 359379 do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp ngày 27/01/2015 mang tên ông Hồ Đức H2, bà Nguyễn Thị C và là tài sản thế chấp cho S1 để đảm bảo khoản tiền vay của Hợp đồng tín dụng nói trên. Tài sản đó có nguồn gốc của cha, mẹ ông H là ông H2, bà C, sau đó, đã

tặng, cho chị Nguyễn Hồ Bích T theo hồ sơ số 1901/BN-HS.TC HĐ871/15 và đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G - Chi nhánh thị xã A chỉnh lý trong Giấy chứng nhận vào ngày 15/8/2015. Tiếp đến, chị Nguyễn Hồ Bích T đã tặng cho toàn bộ tài sản nói trên cho mẹ đẻ là bà Hồ Thị H1, theo hồ sơ số 002737.TC.1247/15 và đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G - Chi nhánh thị xã A chỉnh lý trong Giấy chứng nhận vào ngày 24/11/2015. Vì ông H cần tiền làm ăn nên bà Hồ Thị H1 đã tặng cho toàn bộ tài sản nói trên cho ông Hồ Đức H hồ sơ số 002216.BN.HĐ1143/2016 và đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G - Chi nhánh thị xã A chỉnh lý tại trang 4 trong Giấy chứng nhận vào ngày 19/9/2016. Sau đó, vợ chồng ông H, bà N đã thế chấp toàn bộ tài sản nói trên cho S1 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 608/2020/PGD-AK được lập và công chứng tại Phòng C1 tỉnh Gia Lai vào ngày 21/9/2020, để đảm bảo khoản tiền vay. Qua kết quả xem xét và thẩm định tại chỗ ngày 15/12/2023 tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất 112, tờ bản đồ 15 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BY 359379 do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp ngày 27/01/2015 nói trên thì diện tích thửa đất là 80,9m² có căn nhà 03 tầng và tầng Tum, tổng diện tích sàn là 252,6m², hiện tại bà Hồ Thị H1 đang ở và sử dụng. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đối với tài sản thế chấp cho Ngân hàng là căn nhà, thửa đất nói trên không có phát sinh tranh chấp.

[6] Xét thấy, Hợp đồng thế chấp tài sản số 608/2020/PGD-AK được lập và công chứng tại Phòng C1 tỉnh Gia Lai vào ngày 21/9/2020, được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 317, Điều 318, Điều 319 và Điều 298 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 167, Điều 179, Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013 nên có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Về Chi phí Tổ tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.700.000đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn phải thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền 3.700.000đ.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 102.420.190đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 116, Điều 298, Điều 299, Điều 303, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 167, Điều 179 và Điều 188 của Luật Đất đai;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (S1).

1. Buộc ông Hồ Đức H, bà Trần Thụy Quỳnh N phải trả cho Ngân hàng TMCP S (S1) thông qua Phòng G số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 202025640301 ngày 21/9/2020 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 202025640301-01 ngày 18/3/2022 kèm theo Giấy nhận nợ số LD 2208700378 ngày 28/3/2022; số tiền gốc: 2.999.956.050đ; tiền lãi đến 29/02/2024 là 521.053.470đ; tổng cộng gốc và lãi tính đến ngày 29/02/2024 là **3.521.009.520đ** (Ba tỷ, năm trăm hai mươi một triệu, không trăm lẻ chín nghìn, năm trăm hai mươi đồng).

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông H, bà Như k thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 608/2020/PGD-AK được lập và công chứng tại Phòng C1 tỉnh Gia Lai vào ngày 21/9/2020 để thu hồi nợ, tài sản cụ thể: Toàn bộ quyền sử dụng thửa đất 112, tờ bản đồ 15, diện tích 76,9m² đất ở và toàn bộ tài sản trên đất là căn nhà cấp III diện tích sàn 261,1m² (theo kết quả thẩm định tại chỗ, căn nhà 03 tầng và tầng T1 có diện tích sàn là 252,6m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BY 359379 do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp ngày cấp ngày 27/01/2015 (Nhà và đất nói trên là tài sản của ông Hồ Đức H được nhận tặng cho từ bà Hồ Thị H1 theo hồ sơ số 002216.BN.HĐ1143/2016 và đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G - Chi nhánh thị xã A chỉnh lý tại trang 4 trong Giấy chứng nhận vào ngày 19/9/2016).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/3/2023) cho đến khi thi hành án xong ông Hồ Đức H, bà Trần Thụy Quỳnh N còn phải chịu tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nói trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định này cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về Chi phí tố tụng: Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.700.000đ, ông Hồ Đức H, bà Trần Thụy Quỳnh N phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S (S1) thông qua Phòng G, số tiền 3.700.000đ (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án về khoản tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nói trên, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí: Buộc bị đơn ông Hồ Đức H, bà Trần Thụy Quỳnh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 102.420.190đ (Một trăm lẻ hai triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, một trăm chín mươi đồng).

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S (S1) thông qua Phòng G, số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 47.700.000đ (Bốn mươi bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006623 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai.

6. Về thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 29/02/2024) các đương sự có kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Trung Toàn